

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG  
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54** /2020/HSST

Ngày: 06 /7 /2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đào Thị Thu Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Thảo** và ông **Đỗ Mạnh Châm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Doanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HS ngày 25/6/2020 đối với bị cáo:

**BÙI XUÂN T**, sinh ngày 18/7/1993, tại Tuyền Quang

Nơi cư trú: Tổ 1, phường M, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1974; vợ: Hồ Trà My, sinh năm 1991; Con: Bùi Gia H, sinh 2013.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/12/2010, bị Công an thành phố Tuyền Quang xử phạt vi phạm hành chính, phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 147/QĐ-XPHC.

*Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường M, thành phố T, tỉnh T.*

Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:**

Anh **Trần Công G**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 1, phường P, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị **Vũ Kim O**, sinh năm 1989

Địa chỉ: SN 1, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Xuân T quen biết Trần Công G nên T biết G có xe ô tô cho thuê nên nảy sinh ý định thuê xe ô tô của G, mục đích mang đi cầm cố hoặc bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Khoảng 20 giờ ngày 11/12/2019, T đến nhà anh G nói dối thuê xe với mục đích để về quê và thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Moring, màu sơn trắng BKS 22A - 049.32, giá thuê 600.000 đồng/ngày, thời hạn thuê 03 ngày, thanh toán tiền sau khi trả xe, G đồng ý giao xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho T.

Sau khi nhận xe, T điều khiển xe về nhà. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/12/2019, T gọi điện thoại bạn là Nguyễn Hồng N nhờ tìm chỗ cầm cố xe, N giới thiệu T đến gặp Vũ Kim O để cầm cố xe. Khoảng 22 giờ ngày 12/12/2019, T điều khiển xe ô tô BKS 22A - 049.32 đến gặp O cầm cố xe dưới hình thức viết giấy bán xe với giá 130.000.000 đồng, O đưa trước cho T 20.000.000 đồng, khi T làm thủ tục sang tên sẽ nhận số tiền còn lại. T giao xe cùng giấy tờ xe cho O rồi gọi N đến đón. Số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

Hết thời hạn thuê xe không thấy T trả, biết T mang xe đi cầm cố, ngày 23/12/2019 anh G trình báo Công an thành phố Tuyên Quang đề nghị giải quyết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Giá trị còn lại của xe ô tô Kia, loại Moring, màu sơn trắng, BKS 22A-049.32, số khung RNYSA2432BC019879, số máy G4HGBP004380 là 149.930.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tại kết luận giám định số 238 ngày 12/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Xuân T trên giấy bán xe với chữ viết, chữ ký trên mẫu so sánh gửi giám định do cùng một người viết và ký.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, ngày 02/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang tạm giữ chiếc xe BKS 22A-049.32 do Vũ Kim O giao nộp. Ngày 20/01/2020 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Trần Công G.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Công G yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuê xe 24.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Kim O yêu cầu bị can bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại cơ quan điều tra, bị can Bùi Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKSTP ngày 28 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Xuân T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản và thu nhập ổn định.

Về phần dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều luật tương ứng của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Bùi Xuân T phải trả cho người bị hại Trần Công G số tiền thuê xe tính từ ngày 11/12/2019 đến ngày 20/01/2020 tổng là 40 ngày x 600.000đ/ngày = 24.000.000 đồng; trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Kim O số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Bùi Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo Bùi Xuân T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi anh G và chị O, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về làm lại từ đầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Xuân T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài

liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Đơn trình báo và lời khai của nguyên đơn dân sự; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai nhận tội của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 11/12/2019, tại nhà Trần Công G, thuộc tổ 1, phường P, thành phố T, Bùi Xuân T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia, loại Morning, màu sơn trắng, BKS 22A-049.32 trị giá 149.930.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) của Trần Công G.

Bị cáo Bùi Xuân T là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi gian dối, trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lừa dối trực tiếp, mục đích vụ lợi, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Xuân T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức án: Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Xuân T đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 07/12/2010, bị Công an thành phố Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính, phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Lạm phạm tội này của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại Trần Công G giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải trả tiền thuê xe trong thời gian 40 ngày là 24.000.000 đồng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Kim O giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải hoàn trả tiền đã nhận bán xe là 20.000.000 đồng. Bị cáo Bùi Xuân T nhất trí sẽ hoàn trả tiền theo đúng yêu cầu của anh G và chị O.

Xét thấy sự thoả thuận nhất trí hoàn trả tiền giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Người bị hại Trần Công G đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu Kia Moring, màu sơn trắng BKS 22A - 049.32 là tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với Nguyễn Hồng N là người giới thiệu cho T chỗ cầm cố chiếc xe ô tô BKS 22A - 049.32 nhưng không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với Vũ Kim O là người nhận mua bán cầm cố chiếc xe ô tô BKS 22A - 049.32 của T nhưng không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

*Tuyên bố:* Bị cáo Bùi Xuân T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T **03** (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

*Căn cứ vào:* Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Xuân T phải: Trả cho người bị hại Trần Công G số tiền thuê xe (tính từ ngày 11/12/2019 đến ngày 20/01/2020) tổng là 40 ngày x 600.000đ/ngày = 24.000.000 đồng; trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Kim O số tiền 20.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Căn cứ vào:* Khoản 2 Điều 136 khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về án phí:* Bị cáo Bùi Xuân T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

*Về quyền kháng cáo:* Bị cáo Bùi Xuân T, bị hại Trần Công G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vũ Kim O được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Thị Thu Thủy**